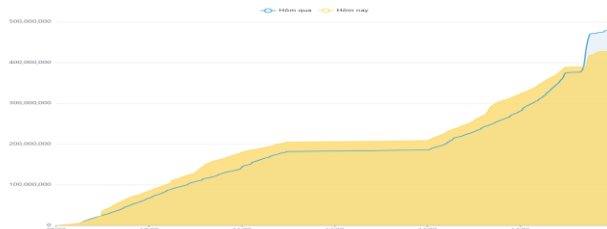


THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

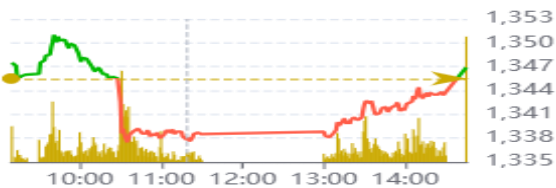
| | HSX | HNX |
|---------------------------|----------|--------|
| Giá đóng cửa | 1.269,71 | 227,69 |
| Thay đổi | 2,93 | 0,26 |
| Thay đổi % | 0,23% | 0,12% |
| KLGD (Triệu CP) | 384,6 | 36,1 |
| GTGD (Tỷ) | 10.713 | 626 |
| Độ rộng thị trường | | |
| <i>CP tăng giá</i> | 239 | 88 |
| <i>CP giảm giá</i> | 164 | 72 |
| <i>CP tham chiếu</i> | 74 | 55 |
| P/E | 13,28 | 16,75 |
| P/B | 1,69 | 1,48 |

Thanh khoản HSX



Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi | Basis | OI |
|-----------|----------|----------|--------|--------|
| VN30 | 1.343,2 | -1,55 | -13,80 | |
| VN30F1M | 1.357,0 | +1,5 | | 54.573 |



Nguồn: Fireant

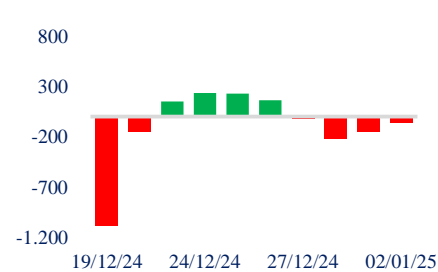
XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

- VN-Index kết phiên tăng 2,93 điểm (+0,23%). Mặc dù bên bán chiếm ưu thế trong phiên sáng nhưng bên mua nhập cuộc trở lại trong phiên chiều, giúp thị trường đóng cửa trong sắc xanh và bảo toàn được hỗ trợ gần 1.260 điểm.

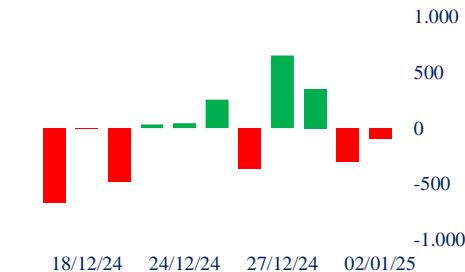
- Một số nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ như hóa chất, xây dựng, vận tải... ghi nhận diễn biến xanh điểm tích cực trong phiên này. Đáng chú ý có thể kể đến VTP (+5,19%), VGC (+4,5%) và VOS (+3,5%). Mặt khác, nhóm vốn hóa lớn vẫn duy trì trạng thái phân hóa khi dòng tiền tham gia có chọn lọc ở các cổ phiếu riêng lẻ.

- Trên sàn HSX, khối ngoại thu hẹp quy mô bán ròng xuống 96 tỷ đồng. Trong đó, FPT là tâm điểm khi bị bán ròng 232 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, nhiều cổ phiếu thu hút được dòng tiền như MSN, VGC, HPG, VTP.

Giao dịch tự doanh 10 phiên HSX



Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index “rút chân” quanh vùng 1.260 điểm và hình thành cây nến tăng điểm thân ngắn đi cùng khối lượng giao dịch thấp. Điều này cho thấy mặc dù lực bán đã yếu đi nhưng lực mua vẫn chưa đủ mạnh để chỉ số có thể bứt phá. Trong bối cảnh thanh khoản thấp và dòng tiền có sự phân hóa, khả năng thị trường sẽ còn xuất hiện những nhịp rung lắc với hỗ trợ gần nhất là 1.260 điểm.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Với việc chưa vi phạm hỗ trợ gần nhất, VN-Index vẫn đang bảo toàn được xu thế tăng giá ngắn hạn. Nhà đầu tư tiếp tục giữ nguyên tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục và theo dõi tín hiệu thị trường.

- Kịch bản 1 (60%): VN-Index rung lắc quanh vùng 1.270 điểm
- Kịch bản 2 (40%): VN-Index tăng lên vùng 1.285 điểm

Danh mục khuyến nghị mới

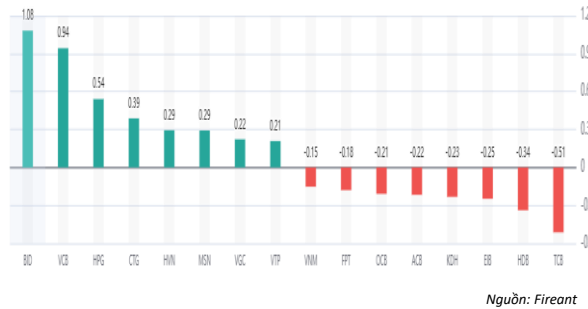
| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | Loại khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|------------------|
| 1 | HSG | 18,8 | 18,5 | 18/12/2024 | 21 | 17,7 | Mua |
| 2 | ACV | 126,6 | 124,3 | 23/12/2024 | 135 | 118 | Mua |

Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành | Ngày | Tháng |
|-----------------------------|--------|--------|
| Dầu khí | 1,41% | -3,23% |
| Hóa chất | 0,37% | -0,29% |
| Tài nguyên Cơ bản | 1,18% | 0,82% |
| Xây dựng và Vật liệu | 1,16% | 5,22% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 1,05% | 4,75% |
| Ô tô và phụ tùng | 1,46% | 3,06% |
| Thực phẩm và đồ uống | 0,25% | 0,73% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -0,42% | 3,17% |
| Y tế | 0,96% | 5,27% |
| Bán lẻ | -0,13% | 0,92% |
| Truyền thông | -1,29% | 52,83% |
| Du lịch và Giải trí | 0,95% | 2,05% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | -0,16% | 0,06% |
| Ngân hàng | 0,17% | 2,32% |
| Bảo hiểm | 1,52% | 4,15% |
| Bất động sản | -0,04% | 0,45% |
| Dịch vụ tài chính | -0,06% | 1,74% |
| Công nghệ Thông tin | -0,31% | 6,62% |



Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Nguồn: Fireant

Top NN mua ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|--------------|------------|
| HPG | 27 | 0,35 / 1,31% | 20.279.243 |
| MSN | 70,8 | 0,80 / 1,14% | 2.326.400 |
| VGC | 47 | 2,05 / 4,56% | 3.000.200 |
| VTP | 144 | 7,10 / 5,19% | 1.815.900 |
| VCI | 33,6 | 0,40 / 1,20% | 3.356.500 |

Top NN bán ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| FPT | 152 | -0,50 / -0,33% | 6.190.801 |
| VCB | 91,9 | 0,70 / 0,77% | 1.630.501 |
| CTG | 38,1 | 0,30 / 0,79% | 5.742.600 |
| SSI | 25,95 | -0,10 / -0,38% | 8.938.200 |
| EIB | 18,75 | -0,55 / -2,85% | 10.158.846 |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã | Tên | Vị trí | Ngày | Đăng ký | Khối lượng |
|-----|----------------|----------------------------|------------|---------|------------|
| DTA | Phạm Thị Bình | --- | 31/12/2024 | Bán | 0 |
| MBB | Trần Ngọc Minh | Con của Nguyễn Thị Thủy | 31/12/2024 | Bán | 66.000 |
| PVP | Lê Ngọc Anh | --- | 31/12/2024 | Bán | 0 |
| SMB | Trần Hữu Phú | Phụ trách quản trị công ty | 31/12/2024 | Bán | 11.200 |
| SMB | Trần Hữu Phú | Phụ trách quản trị công ty | 31/12/2024 | Bán | 20.000 |

TIN TỨC

Trong nước

[Ngành sản xuất Việt Nam giảm động lực cuối năm 2024](#)
[Giảm thuế giá trị gia tăng đến 30/6/2025](#)

Doanh nghiệp

[Novaland điều chỉnh giá chuyển đổi của gói trái phiếu](#)
[HNA đặt mục tiêu lãi ròng 2025 hơn 185 tỷ đồng](#)
[Hòa Phát muốn phát triển thêm 3 khu công nghiệp mới](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Nợ doanh nghiệp toàn cầu đạt kỷ lục 8 ngàn tỷ USD](#)
[Quỹ đầu tư chủ động bị rút vốn kỷ lục 450 tỷ USD trong năm 2024](#)

Hàng hóa

[Giá xăng quay đầu tăng](#)
[Vàng thế giới vot hơn 26%](#)
[Dầu Brent giảm năm thứ 2 liên tiếp](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

| | Khối lượng giao dịch | Thay đổi | |
|----|----------------------|------------|--------|
| 1 | HPG | 20.279.243 | 1,31% |
| 2 | STB | 17.557.100 | 0,27% |
| 3 | HDB | 16.145.700 | -1,57% |
| 4 | MBB | 13.462.054 | 0,40% |
| 5 | VIB | 12.755.900 | 0,00% |
| 6 | TCB | 12.334.500 | -1,22% |
| 7 | EIB | 10.158.846 | -2,85% |
| 8 | DXG | 9.662.300 | 0,64% |
| 9 | SSI | 8.938.200 | -0,38% |
| 10 | VIX | 8.591.000 | 0,91% |

Giá hàng hóa

| | Đóng cửa | Thay đổi | % |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng | 2462,8 | -0,50 | -0,02% |
| Bạc | 27,52 | -0,08 | -0,29% |
| Đồng | 4,0395 | 0,08 | 2,03% |
| Dầu thô | 0,14 | 0,00 | -0,68% |
| Dầu Brent | 79,25 | 0,09 | 0,11% |
| Khí Tự nhiên | 2,172 | 0,05 | 2,12% |
| Khí đốt | 2,3624 | 0,00 | 0,20% |
| Đường | 18,61 | 0,04 | 0,22% |
| Heo nạc | 73,55 | -1,02 | -1,37% |
| Cà phê | 237,5 | -1,85 | -0,77% |

Tỷ giá hối đoái

| | Thay đổi | Tỷ giá NHNN | | |
|---------|----------|-------------|------------|--------|
| | | Mua | Bán | |
| USD/VND | 25229 | 0,03% | USD 23.400 | 25.450 |
| EUR/VND | 25691 | -0,62% | EUR 23.933 | 26.452 |
| GBP/VND | 31066 | -0,27% | GBP 28.942 | 31.988 |
| USD/VND | 156,00 | 0,00% | JPY 147 | 162 |
| AUD/VND | 27373 | -0,33% | CHF 25.492 | 28.175 |



CẦU CHƯA ĐỦ MẠNH, THỊ TRƯỜNG SẼ CÒN XUẤT HIỆN RUNG LẮC

Bản tin ngày 03/01/2025

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MWG | 60,6 | 60,3 | 05/12/2024 | 70 | 56 | 0,5% | Nắm giữ |
| 2 | HSG | 18,8 | 18,5 | 18/12/2024 | 21 | 17,7 | 1,6% | Mua |
| 3 | ACV | 126,6 | 124,3 | 23/12/2024 | 135 | 118 | 1,9% | Mua |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | VHC | 71,1 | 70 | 27/02/2024 | 83,8 | 69 | 1,6% | Nắm giữ |
| 2 | FMC | 46,6 | 48,3 | 27/02/2024 | 53,7 | 45 | -3,5% | Nắm giữ |
| 3 | HPG | 27 | 26,5 | 08/10/2024 | 34 | 25 | 1,9% | Mua mới |
| 4 | TCB | 24,3 | 21,85 | 20/08/2024 | 26,2 | 20,8 | 11,2% | Nắm giữ |
| 5 | TCM | 47,8 | 45 | 12/09/2024 | 55 | 42 | 6,2% | Nắm giữ |
| 6 | PNJ | 97,9 | 98,6 | 17/09/2024 | 117,6 | 92 | -0,7% | Nắm giữ |
| 7 | CTG | 38,1 | 35 | 19/09/2024 | 40 | 33 | 8,9% | Nắm giữ |
| 8 | KDH | 35,1 | 33 | 18/10/2024 | 38,5 | 31 | 6,4% | Nắm giữ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | DXG | 16,2 | 16,7 | 02/10/2024 | 19,5 | 15,9 | -3,0% | Bán |
| 2 | MWG | 65,2 | 68,5 | 25/09/2024 | 80 | 65,0 | -4,8% | Cắt lỗ |
| 3 | MBS | 28,8 | 31,3 | 22/10/2024 | 35 | 27,0 | -8,0% | Cắt lỗ |
| 4 | VPB | 19,7 | 18,5 | 08/11/2024 | 20 | 17 | 6,5% | Chốt lời |
| 5 | VTP | 119 | 81,8 | 20/11/2024 | 93 | 73,0 | 45,5% | Chốt lời |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MBB | 22,6 | 18 | 22/04/2024 | 27 | 16 | 25,6% | Chốt lời |
| 2 | KBC | 28 | 31,1 | 19/04/2024 | 41 | 28 | -10% | Cắt lỗ |
| 3 | GMD | 82 | 69 | 24/06/2024 | 84 | 67 | 18,8% | Chốt lời |
| 4 | PVS | 40,6 | 37 | 19/04/2024 | 41 | 28 | 10% | Chốt lời |
| 5 | FRT | 181,9 | 100 | 10/07/2024 | 177 | 95 | 81,9% | Chốt lời |
| 6 | HPG | 25,45 | 25,3 | 06/02/2024 | 32 | 26,5 | 0,6% | Bán |
| 7 | PVD | 26,7 | 29,75 | 26/04/2024 | 38 | 26,5 | -10,3% | Cắt lỗ |
| 8 | REE | 65 | 69,9 | 10/09/2024 | 79 | 65,5 | -7,0% | Cắt lỗ |
| 9 | HAH | 39,6 | 42 | 10/09/2024 | 48 | 40 | -5,7% | Cắt lỗ |
| 10 | PNJ | 99 | 108 | 10/09/2024 | 127 | 101 | -8,3% | Cắt lỗ |
| 11 | VGT | 14 | 15,3 | 10/09/2024 | 17,5 | 14,4 | -8,5% | Cắt lỗ |
| 12 | IDC | 58,5 | 61,8 | 27/09/2024 | 66 | 58,5 | -5,3% | Cắt lỗ |
| 13 | DPR | 37,3 | 40 | 18/11/2024 | 48 | 38 | -6,8% | Cắt lỗ |
| 14 | NLG | 37 | 41,5 | 18/11/2024 | 47,3 | 39,6 | -10,8% | Cắt lỗ |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--------------------------------------------------------|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NẮM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)**Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

| | |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyễn Minh Hoàng | Giám đốc phòng phân tích hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích long.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Mai | Chuyên viên phân tích mai.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Huyền | Chuyên viên phân tích huyen.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Anh Quân | Chuyên viên phân tích quan.nguyen@vfs.com.vn |
| Lê Thị Ngọc | Chuyên viên phân tích ngoc.le@vfs.com.vn |